ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI CHI TIẾT

Đề kiểm tra cuối học kỳ 2 môn Toán lớp 4 – Đề số 1

Môn: Toán · Lớp 4 · Cuối học kỳ II · Thang điểm: 10

I. TRẮC NGHIỆM (3 ĐIỂM)

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	C	D	A	B	C

Câu 1. Phân số chỉ phần đã tô màu trong hình tròn là:

A. $\frac{1}{6}$ **B.** $\frac{5}{6}$ **C.** $\frac{6}{5}$ **D.** $\frac{5}{11}$

Phương pháp

- Phân số a/b chỉ a phần được tô màu trong b phần bằng nhau của cả hình: tử số là số phần tô màu, mẫu số là tổng số phần.

Lời giải

Hình tròn được chia thành 6 phần bằng nhau.

Có 5 phần được tô màu.

Vậy phân số chỉ phần đã tô màu là 5/6.

A (1/6) sai vì 1/6 chỉ 1 phần được tô màu

Thực tế có 5 phần được tô màu (1 phần không tô).

C (6/5) sai vì đã viết ngược: tử số phải là số phần tô màu (5), mẫu số là tổng số phần (6).

D (5/11) sai vì mẫu số là tổng số phần bằng nhau của hình tròn (6), không phải 5 + 6 = 11.

Chọn B

Câu 2. Rút gọn phân số 72/90 ta được phân số tối giản là:

A. $\frac{7}{9}$ **B.** $\frac{3}{4}$ **C.** $\frac{4}{5}$ **D.** $\frac{8}{9}$

Phương pháp

- Rút gọn phân số: chia cả tử số và mẫu số cho cùng một số tự nhiên lớn hơn 1 (ước chung) cho đến khi được phân số tối giản.

Lời giải

72 và 90 cùng chia hết cho 18.

72/90 = (72 : 18)/(90 : 18)

= 4/5

4 và 5 không cùng chia hết cho số nào lớn hơn 1 nên 4/5 là phân số tối giản.

A (7/9) sai vì 7/9 = 70/90, khác 72/90.

B (3/4) sai vì 3/4 không bằng 72/90 (72 × 4 = 288 còn 3 × 90 = 270).

D (8/9) sai vì 8/9 = 80/90, khác 72/90.

Chọn C

Câu 3. Kết quả của phép cộng 5/6 + 3/8 là:

A. $\frac{8}{14}$ **B.** $\frac{15}{48}$ **C.** $\frac{28}{24}$ **D.** $\frac{29}{24}$

Phương pháp

- Muốn cộng hai phân số khác mẫu số, ta quy đồng mẫu số hai phân số rồi cộng hai phân số đó.

Lời giải

Mẫu số chung là 24:

$5/6 = (5 \times 4)/(6 \times 4)$

$= 20/24$

$3/8 = (3 \times 3)/(8 \times 3)$

$= 9/24$

$5/6 + 3/8 = 20/24 + 9/24$

$= 29/24$

A (8/14) sai vì đã cộng tử số với tử số và mẫu số với mẫu số (5 + 3 và 6 + 8).

B (15/48) sai vì 15/48 là kết quả của phép nhân hai phân số, không phải phép cộng.

C (28/24) sai vì đã quy đồng nhầm 3/8 = 8/24

Thực tế 24 : 8 = 3 nên 3/8 = 9/24.

Chọn D

Câu 4. Hình chữ nhật có chiều dài 14 cm, chiều rộng 6 cm. Diện tích hình chữ nhật đó là:

A. 84 cm^2 **B.** 20 cm^2 **C.** 42 cm^2 **D.** 168 cm^2

Phương pháp

- Diện tích hình chữ nhật = chiều dài × chiều rộng (cùng đơn vị đo).

Lời giải

Diện tích hình chữ nhật là:

$$14 \times 6 = 84 \ (cm^2)$$

B (20 cm^2) sai vì 20 cm^2 = 14 + 6 là tổng chiều dài và chiều rộng

Diện tích là tích của hai số đo.

C (42 cm^2) sai vì 42 = 84 : 2 đã chia đôi diện tích

Công thức tính diện tích hình chữ nhật không chia 2.

D (168 cm^2) sai vì 168 = 84 × 2 đã nhân thêm 2

Diện tích hình chữ nhật chỉ là 14 × 6.

Chọn A

Câu 5. Kết quả của phép chia 4/7 : 2/3 là:

A. $\frac{8}{21}$ **B.** $\frac{6}{7}$ **C.** $\frac{2}{3}$ **D.** $\frac{7}{6}$

Phương pháp

- Muốn chia hai phân số, ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số thứ hai đảo ngược.

Lời giải

$$4/7 : 2/3 = 4/7 \times 3/2$$

$= 12/14$

$= 6/7$

A (8/21) sai vì 8/21 = 4/7 × 2/3 là kết quả khi quên đảo ngược phân số thứ hai.

C (2/3) sai vì 2/3 là số chia, không phải thương của phép chia.

D (7/6) sai vì 7/6 là phân số đảo ngược của kết quả đúng (đã viết ngược tử số và mẫu số).

Chọn B

Câu 6. Một thùng có 240 lít nước. Người ta đã dùng 3/8 số lít nước đó. Số lít nước còn lại trong thùng là:

A. 90 lít **B.** 30 lít **C.** 150 lít **D.** 120 lít

Phương pháp

- Tìm giá trị phân số của một số: lấy số đó nhân với phân số. Số còn lại = số ban đầu − số đã dùng.

Lời giải

Số lít nước đã dùng là:

240 × 3/8 = 90 (lít)

Số lít nước còn lại là:

240 − 90 = 150 (lít)

A (90 lít) sai vì 90 lít là số lít nước đã dùng, chưa phải số lít nước còn lại.

B (30 lít) sai vì 30 lít = 240 × 1/8, chỉ bằng 1/8 số nước.

D (120 lít) sai vì 120 lít là một nửa số nước, không ứng với 3/8 hay 5/8 số nước.

Chọn C

II. TỰ LUẬN (7 ĐIỂM)

Câu 1 (1 điểm)

Đặt tính rồi tính:

truongkienthuc.vn

a) 8 436 × 57

Đáp án / Kết quả:

8 436 × 57 = 480 852

Phương pháp

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau.
- Nhân lần lượt từng chữ số của số nhân với số bị nhân từ phải sang trái, nhớ sang hàng liền trước; với số nhân có hai chữ số thì viết tích riêng thứ hai lùi sang trái một cột rồi cộng các tích riêng.

Lời giải

8 436 × 57 = 480 852 (thử lại: 480 852 : 57 = 8 436)

---

b) 6 295 × 48

Đáp án / Kết quả:

6 295 × 48 = 302 160

Phương pháp

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau.
- Nhân lần lượt từng chữ số của số nhân với số bị nhân từ phải sang trái, nhớ sang hàng liền trước; với số nhân có hai chữ số thì viết tích riêng thứ hai lùi sang trái một cột rồi cộng các tích riêng.

Lời giải

6 295 × 48 = 302 160 (thử lại: 302 160 : 48 = 6 295)

---

c) 14 976 : 48

Đáp án / Kết quả:

14 976 : 48 = 312

Phương pháp

- Chia lần lượt từ trái sang phải: chia, nhân, trừ rồi hạ chữ số tiếp theo.
- Thử lại bằng phép nhân: thương nhân số chia phải bằng số bị chia.

Lời giải

14 976 : 48 = 312 (thử lại: 312 × 48 = 14 976)

---

d) 56 304 : 72

Đáp án / Kết quả:

56 304 : 72 = 782

Phương pháp

- Chia lần lượt từ trái sang phải: chia, nhân, trừ rồi hạ chữ số tiếp theo.
- Thử lại bằng phép nhân: thương nhân số chia phải bằng số bị chia.

Lời giải

56 304 : 72 = 782 (thử lại: 782 × 72 = 56 304)

Câu 2 (1 điểm)

Tính:

a) 5/12 + 3/8

Phương pháp

- Quy đồng mẫu số rồi cộng hai phân số.

Lời giải

5/12 + 3/8 = 10/24 + 9/24
= 19/24

---

b) 3 − 5/6

Phương pháp

- Viết 3 = 18/6 rồi trừ hai phân số cùng mẫu số.

Lời giải

3 − 5/6 = 18/6 − 5/6
= 13/6

---

c) 7/10 × 5/14

Phương pháp

- Nhân tử số với tử số, mẫu số với mẫu số rồi rút gọn.

Lời giải

7/10 × 5/14 = 35/140
= 1/4

---

d) 8/9 : 4/15

Phương pháp

- Lấy phân số thứ nhất nhân với phân số thứ hai đảo ngược rồi rút gọn.

Lời giải

8/9 : 4/15 = 8/9 × 15/4
= 120/36
= 10/3

Câu 3 (1 điểm)

Biểu đồ cột dưới đây cho biết số học sinh tham gia các câu lạc bộ của một trường tiểu học.

Điền vào chỗ trống.

a) Câu lạc bộ có nhiều học sinh tham gia nhất là câu lạc bộ .....

Đáp án đúng:

Ô 1: Bóng đá

Phương pháp

- Đọc biểu đồ cột: cột càng cao thì số học sinh càng nhiều.

Lời giải

Số học sinh tham gia: Bóng đá 22, Cờ vua 14, Vẽ 18, Hát 18.

Cột Bóng đá cao nhất (22 học sinh) nên câu lạc bộ Bóng đá có nhiều học sinh nhất.

---

b) Trung bình mỗi câu lạc bộ có ..... học sinh tham gia.

Đáp án đúng:

Ô 1: 18

Phương pháp

- Trung bình cộng = tổng số học sinh : số câu lạc bộ.

Lời giải

Tổng số học sinh tham gia là:

22 + 14 + 18 + 18 = 72 (học sinh)

Trung bình mỗi câu lạc bộ có:

72 : 4 = 18 (học sinh)

Câu 4. Một mảnh vườn có diện tích 360 m^2. Người ta dành 2/5 diện tích để trồng rau, 1/4 diện tích để trồng hoa, phần còn lại làm lối đi. Tính diện tích phần đất làm lối đi.

Phương pháp

- Tìm diện tích trồng rau và diện tích trồng hoa bằng cách lấy diện tích mảnh vườn nhân với phân số, rồi lấy diện tích mảnh vườn trừ đi hai phần đó.

Lời giải

Diện tích trồng rau là:

360 × 2/5 = 144 (m^2)

Diện tích trồng hoa là:

360 × 1/4 = 90 (m^2)

Diện tích làm lối đi là:

360 − 144 − 90 = 126 (m^2)

Đáp số: 126 m^2

Câu 5. Bác thợ cắt một tấm kính hình chữ nhật có chiều dài 18 dm, chiều rộng 12 dm. Mỗi đề-xi-mét vuông kính có giá 25 000 đồng. Hỏi tấm kính đó có giá bao nhiêu tiền?

Phương pháp

- Tính diện tích tấm kính: chiều dài × chiều rộng.
- Giá tiền tấm kính = diện tích × giá tiền của mỗi đề-xi-mét vuông.

Lời giải

Diện tích tấm kính là:

18 × 12 = 216 (dm^2)

Giá tiền của tấm kính là:

216 × 25 000 = 5 400 000 (đồng)

Đáp số: 5 400 000 đồng

Tổng điểm toàn đề: 10 điểm